TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-ST
Ngày: 02-3-2021
V/v khiếu kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Lê Kiên
2. Bà Nguyễn Thị Hiên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST- HC ngày 01/10/2020 về việc tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:
- Ông Nhữ Văn M, sinh năm: 1962;
Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người bị kiện:
- Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Địa chỉ: xã Thắng Quân, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Y: Ông Nguyễn Xuân N – Phó Chủ tịch. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã X: Ông Triệu Ngọc L – Phó Chủ tịch. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1967; Có mặt.

3. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1974; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

4. Ông Lương Văn C, sinh năm: 1959; Vắng mặt.

5. Bà Lâm Thị N, sinh năm: 1965; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Nhữ Văn M trình bày:

Năm 1984, ông là công dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là người khai phá đất tại khu vực đèo Mã Quýnh, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay 02 thửa đất số 2349 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839016 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh tuyên Quang cấp cho ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 29/10/2018 và thửa đất số 2350 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839017 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/10/2018 nằm trong diện tích đất ông khai phá. Năm 1986, ông lập gia đình, làm nhà tại mảnh đất này và sinh 03 người con tại mảnh đất này. Năm 1989 đến 1992 ông đã trồng xoan trên toàn bộ diện tích đất. Năm 1994, UBND 2 xã X và xã T tiến hành xác định T địa để cắm mốc địa giới hành chính 02 xã theo bản đồ 364. Do xác định sai vị trí dẫn đến việc cắm mốc sai vì vậy phần diện tích thửa đất số 2350, tờ bản đồ số 2, diện tích 7.740m^2 và thửa đất số 4349, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.860m^2 gia đình ông đang canh tác sử dụng nằm trong địa giới xã X. Nên chính quyền 2 xã X và T buộc gia đình ông di dời nhà cửa và cây trên đất để trả lại cho xã X quản lý. Đến năm 2010, ông phát hiện được trên bản đồ 364 khu đất trước đây của gia đình ông thuộc về đất xã T không phải xã X quản lý nên ông đã làm đơn đến chính quyền xã T, UBND huyện Y, UBND tỉnh Tuyên Quang để giải quyết cho gia đình ông. Tháng 10/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y lên cắm lại mốc giới theo bản đồ 364 thì toàn bộ số đất trước đây gia đình ông khai phá nằm toàn bộ về xã T nhưng hiện nay UBND huyện Y đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2 gia đình ông T, bà L và gia đình ông C, bà N ghi thửa đất có địa chỉ Thôn

Đ, xã X là không đúng mà phải là đất của xã T. Nên ông đã yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết trả lại đất cho gia đình ông nhưng không được giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839016 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh tuyên Quang cấp cho ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 29/10/2018;

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839017 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/10/2018.

***Người bị kiện – UBND huyện Y trình bày*:** Ngày 01/02/2017, ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N có đơn kê khai xin cấp giấy nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 2349 tờ bản đồ số 02 diện tích 3.860 m^2 loại đất rừng sản xuất (RSX). Ngày 25/12/2017, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L có đơn kê khai xin cấp giấy nhận QSD đất thửa đất số 2350 tờ bản đồ số 02 diện tích 7740,0 m^2 loại đất rừng sản xuất (RSX). Phần diện tích của hai hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T nằm trong phạm vi địa giới hành chính của xã X, huyện Y.

Căn cứ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ, ngày 23/7/2018, Ủy ban nhân dân xã X tổ chức lấy ý kiến dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hai hộ *(hộ ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N; hộ Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L).* Ngày 24/7/2018, Ban chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã X tiến hành họp xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ gia đình, cá nhân thôn Đ, xã X *(trong đó có hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).* Ngày 25/7/2018, Ủy ban nhân dân xã X tổ chức công khai kết quả lập hồ sơ các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/8/2018, kết thúc công khai (thời gian công khai là 15 ngày) trong thời gian công khai Ủy ban nhân dân xã không tiếp nhận đơn thư khiếu nại về việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T. Ngày 24/8/2018, Ủy ban nhân dân xã X lập Tờ trình số 38/TTr-UBND trình Ủy ban nhân dân huyện Y, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã chuyển đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y đã kiểm tra, thẩm định hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ tại thôn Đ, xã X, huyện Y.

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ tại thôn Đ, xã X, huyện Y, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y chuyển đến kèm theo Văn bản số 246/CV-CNVPĐK ngày 24/10/2018 về việc ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân; Phòng Tài nguyên

và Môi trường đã kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận của 18 hộ gia đình, cá nhân thôn Đô Thượng, xã X.

Sau khi kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện, ngày 29/10/2018 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã lập Tờ trình số 267/TTr-TNMT, trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ trong đó có hộ ông Lương Văn C (Được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01674 ngày 29/10/2018 với diện tích 3.860,0 m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất) và hộ ông Nguyễn Văn T (Được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01675 ngày 29/10/2018 với diện tích 7.740,0 m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất).

Từ những căn cứ trên, việc Ủy ban nhân dân huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N; hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L là đúng trình tự thủ tục và đúng quy định tại Điều 70, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13. Đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Gia đình ông gồm bố mẹ, anh chị em và ông là người khai phá đất đồi tại thôn Đ, xã X. Năm 1992, ông lấy vợ, thì được bố mẹ cho đất ra ở riêng và cho vợ chồng ông thửa đất số 2350, tờ bản đồ số 2, diện tích 7.740m^2 để trồng cây. Ông và vợ ông sử dụng đất để canh tác ổn định từ đó đến nay không tranh chấp với ai. Năm 2017 vợ chồng ông đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này. Khi đó gia đình ông được thôn báo đi họp để triển khai việc cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông đã kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2350, tờ bản đồ số 2. Sau đó được tổ chức họp thôn để xét nguồn gốc đất và điều kiện để cấp và được Cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc thửa đất và làm thủ tục. Tháng 11/2018 vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Mkhông phải là người khai phá sử dụng đất này. Từ trước đến nay gia đình ông chưa bao giờ thấy Ông Mcó ý kiến về việc đòi đất. Chỉ đến đầu năm 2020, ông thấy UBND xã X gọi lên làm việc giải quyết tranh chấp đất đai thì mới biết Ông Mcho rằng thửa đất này là của Ông M Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Mđể đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N trình bày: Thửa đất bà và chồng bà được cấp GCNQSDĐ ngày xưa là bãi lau do hộ ông Ma Qúy Gia, bà Ma Thị Lượng khai phá và sử dụng. Khoảng năm 1988- 1989, ông Ma Qúy Gia cho gia đình bà sử dụng trồng đỗ. Đến năm 1992, ông G, bà L chuyển nhượng cho gia đình bà để sử dụng thửa đất này. Từ đó gia đình bà sử dụng đất ổn định không tranh chấp với ai. Sau đó khoảng năm 2018, thôn báo đi họp để

triển khai việc cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng năm 2017, vợ chồng bà kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2349, tờ bản đồ số 2. Sau đó được tổ chức họp thôn để xét nguồn gốc đất và điều kiện để cấp. Thửa đất của vợ chồng bà được Cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc thửa đất và làm thủ tục. Tháng 11/2018 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông M không phải là người khai phá sử dụng đất này. Từ trước đến nay gia đình bà chưa bao giờ thấy Ông Mcó ý kiến về việc đòi đất. Chỉ đến đầu năm 2020, bà thấy UBND xã X gọi lên làm việc giải quyết tranh chấp đất đai thì mới biết Ông Mcho rằng thửa đất này là của Ông M. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Mđể đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà.

**** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã X trình bày:*** Nguồn gốc 02 thửa đất UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp GCNQSDĐ số CM 839016 và CM 839017 là đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp T quản lý nhưng do bị người dân lấn, chiếm sử dụng nên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp T đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thu hồi đất của Công ty để trả lại địa phương theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 29/5/2012.

Hồ sơ quản lý đất đai: Trên địa bàn xã X hiện nay vẫn đang sử dụng hồ sơ quản lý đất đai là Bản đồ giải thửa đo đạc theo Chỉ thị số 299 từ năm 1985-1987 và chủ yếu là đo đạc đất ruộng, đất thổ cư và đất vườn liền kề với đất thổ cư.

Đối với thửa đất của ông Lương Văn C vợ là Lâm Thị N và thửa đất của ông Nguyễn Văn T vợ là Lê Thị L hiện nay Ủy ban nhân dân xã X đang quản lý theo bản đồ phân 3 loại rừng tại Quyết định số 1859 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo bản đồ địa giới hành chính 364 là đất thuộc địa phận xã X.

Hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lương Văn C vợ là Lâm Thị N và ông Nguyên Văn T vợ là Lê Thị L, Ủy ban nhân dân xã X đã nộp toàn bộ hồ sơ kèm theo danh sách và tờ trình về Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y tỉnh Tuyên Quang.

Việc ông Nhữ Văn M cho rằng năm 1994-1995 do Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã X xác định đường địa giới hành chính xã sai nên ông phải dỡ nhà, bán cây để trả đất cho nhân dân xã X canh tác. Ủy ban nhân dân xã X đã kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ lưu tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã nhưng không có giấy tờ gì thể hiện việc Ủy ban nhân dân xã X hoặc Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu ông Nhữ Văn M phải dỡ nhà, bán cây trả đất cho xã X. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Văn M và không có yêu cầu độc lập.

Ngày 08/01/2021, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839016 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh tuyên Quang cấp cho ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 29/10/2018; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839017 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/10/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ông M vì UBND huyện cấp GCNQSDĐ đúng trình tự, thủ tục, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định và không có yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã T hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện của ông Nhữ Văn M là hợp lệ, đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 99 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Văn M về việc yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839016 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh tuyên Quang cấp cho ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 29/10/2018; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839017 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/10/2018.

Về án phí: Ông M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thấy:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Ngày 29/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839017 cho ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 29/10/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839017 cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/10/2018. Năm 2020, ông Nhữ Văn M mới biết UBND huyện Y cấp 02 GCNQSDĐ trên nên ông đã làm đơn đề nghị giải quyết đến UBND xã X. Ngày 13/7/2020, Ông Mđã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang là trong thời hiệu khởi kiện đúng với quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] ***Về nội dung vụ án:***

1. Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của GCNQSDĐ CM 839016 và CM 839017 của UBND huyện Y:

Về nguồn gốc đất HĐXX thấy: ông Nhữ Văn M khai 02 thửa đất ông đang khởi kiện có nguồn gốc từ năm 1986, ông lập gia đình làm nhà tại mảnh đất này và sinh 03 người con tại mảnh đất này. Năm 1989 đến 1992 ông đã trồng xoan trên toàn bộ diện tích đất. Năm 1994, UBND 2 xã X và xã T cắm lại mốc giới bị sai lệch. Nhà cửa đất đai và vườn tược của gia đình ông nằm trong mốc giới đất do xã X quản lý nên chính quyền 2 xã X và T buộc gia đình ông di dời nhà cửa và cây trên đất để trả lại cho xã X quản lý. Tuy nhiên Ông Mkhông có giấy tờ chứng minh việc Ông Msử dụng 02 thửa đất này từ năm 1986 đến năm 1994 và căn cứ cho rằng chính quyền xã buộc ông di dời nhà cửa, cây cối. Một số nguyên cán bộ xã T có xác nhận vào đơn xin xác nhận cho Ông Mnhưng tại các Biên bản làm việc của Cơ quan Uỷ ban kiểm tra – thanh tra huyện Y vào ngày 28/02/2020 các ông Đào Văn S (nguyên cán bộ địa chính xã T thời kỳ 1991 – 1994), ông Hoàng Văn P– nguyên Chủ tịch xã T đều xác định xã cắm mốc địa giới hành chính không yêu cầu Ông M thu hoạch xoan và cấy cối hoa màu để trả cho xã X, xã cũng không giao đất cho Ông Mtại T địa và không biết Ông M sử dụng đất khu vực nào tại đèo Mã Quýnh, không biết cụ thể vị trí nào và thời điểm sử dụng đất.

Đối với 02 hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có biên bản họp xét nguồn gốc sử dụng đất và xác nhận của UBND xã X nên có căn cứ xác

định nguồn gốc 02 thửa đất là của ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N; ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L.

Vì vậy việc UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ cho ông ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N; ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L là đúng đối tượng sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

2. Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và GCNQSDĐ số CM 839016 và CM 839017:

Về trình tự, thủ tục cấp, HĐXX thấy: Ngày 01/02/2017, ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N có đơn kê khai xin cấp giấy nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 2349 tờ bản đồ số 02 diện tích 3.860 m^2 loại đất rừng sản xuất (RSX). Ngày 25/12/2017, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L có đơn kê khai xin cấp giấy nhận QSD đất thửa đất số 2350 tờ bản đồ số 02 diện tích 7740,0 m^2 loại đất rừng sản xuất (RSX). Phần diện của hai hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T nằm trong phạm vi địa giới hành chính của xã X, huyện Y. Căn cứ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ, ngày 23/7/2018, Ủy ban nhân dân xã X tổ chức lấy ý kiến dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hai hộ *(hộ ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N; hộ Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L)*. Ngày 24/7/2018, Ban chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã X tiến hành họp xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ gia đình, cá nhân thôn Đ, xã X *(trong đó có hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*. Ngày 25/7/2018, Ủy ban nhân dân xã X tổ chức công khai kết quả lập hồ sơ các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/8/2018, kết thúc công khai (thời gian công khai là 15 ngày) trong thời gian công khai Ủy ban nhân dân xã không tiếp nhận đơn thư khiếu nại về việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T. Ngày 24/8/2018, Ủy ban nhân dân xã X lập Tờ trình số 38/TTr-UBND trình Ủy ban nhân dân huyện Y, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông Lương Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã chuyển đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y đã kiểm tra, thẩm định hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ tại thôn Đ, xã X, huyện Y.

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ tại thôn Đ, xã X, huyện Y, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y chuyển đến kèm theo Văn bản số 246/CV-CNVPĐK ngày 24/10/2018 về việc ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận của 18 hộ gia đình, cá nhân thôn Đô Thượng, xã X.

Sau khi kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện, ngày 29/10/2018 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã lập Tờ trình số 267/TTr-TNMT, trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ trong đó có hộ ông Lương

Văn C (Được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01674 ngày 29/10/2018 với diện tích 3.860,0 m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất) và hộ ông Nguyễn Văn T (Được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01675 ngày 29/10/2018 với diện tích 7.740,0 m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất).

Như vậy về trình tự, thủ tục khi UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Về thời hiệu, thời hạn cấp GCNQSDĐ số CM 839016 và CM 839017:

HĐXX thấy thời hạn, thời hiệu cấp GCNQSDĐ đất của UBND huyện Y không đúng thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 43/2014ND-CP và khoản 4 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến về việc cấp GCNQSDĐ không đúng thời hạn và yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Văn M không có căn cứ nên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy việc cấp GCNQSDĐ số CM 839016 và CM 839017 của UBND huyện Y là đúng nguồn gốc đất, đúng trình tự, đối tượng sử dụng đất. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Văn M như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Nhữ Văn M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004688 ngày 01/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 99 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nhữ Văn M về các yêu cầu:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839016 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh tuyên Quang cấp cho ông Lương Văn C và bà Lâm Thị N, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 29/10/2018.

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 839017 của Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L, địa chỉ thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/10/2018.

Về án phí: Ông Nhữ Văn M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004688 ngày 01/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Tú